TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 16/8/2017
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
N□ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU, TỈNH QUẢNG NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Nam.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Bẩy;
2. Ông Trần Hữu Trung.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 16 tháng 8 năm 2017, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 101/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 40/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2017/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2017 giữa các đ- ơng sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1994, có mặt.
Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện S, tỉnh Bắc Giang.
2. Bị đơn: Anh Trịnh Văn T, sinh năm 1991, vắng mặt.
Địa chỉ: Tổ 5b, khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày có nội dung:

Về tình trạng hôn nhân: Chị T và anh Trịnh Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ tháng 5/2014, nhưng ngày 05/6/2015 mới thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều. Sau khi kết hôn cuộc sống của vợ chồng bình thường và sống chung với gia đình anh T tại khu V, phường M, đến tháng 10/2015 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T không tu chí làm ăn, chơi với những thành phần xấu của xã hội, không chăm lo cho gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã đã được gia đình động viên hòa giải nhiều nhưng không có kết quả, thực tế vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2015 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, chị T đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại thôn T, xã L, huyện S,

tỉnh Bắc Giang ở. Đến nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được, nếu tiếp tục kéo dài không thể đem lại hạnh phúc cho nhau. Vì vậy, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh Trịnh Văn T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có một con chung là Trịnh Tú V, sinh ngày 04/11/2014. Ly hôn, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, đồng thời yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ một tháng cho đến khi con chung thành niên.

Về tài sản chung: Theo chị T trình bày, trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trịnh Văn T không có mặt để tham gia tố tụng tại Tòa án, mặc dù đều nhận được Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hợp lệ của Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh Trịnh Văn T và được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trịnh Tú V, sinh ngày 04/11/2014, nhưng thay đổi không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa bị đơn anh Trịnh Văn T vắng mặt không lý do, mặc dù đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều nhận định:

[2]. *Về hôn nhân*: Hôn nhân của chị Nguyễn Thị T và anh Trịnh Văn T là hôn nhân hợp pháp từ thời điểm đăng ký kết hôn, ngày 05/6/2015. Vợ chồng chung sống đến tháng 10/2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do anh Tuấn không quan tâm, chăm lo cho gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được, cho nên chị T đã đưa con về thôn T, xã L, huyện S, tỉnh Bắc Giang ở cho đến nay. Nội dung này đã được chính quyền địa phương nơi chị T cư trú xã L, huyện S xác nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không có mặt để tham gia gia tố tụng tại Tòa án, mặc dù đều nhận được Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp

cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ của Tòa án. Cho nên, xác định anh T cũng không có nguyện vọng tham gia hòa giải do Tòa án tiến hành để về đoàn tụ. Vì vậy, xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục được, nếu đời sống hôn nhân tiếp tục kéo dài sẽ không có hạnh phúc. Cho nên, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về nuôi con chung:*

Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có một con chung Trịnh Tú V, sinh ngày 04/11/2014, vì con chung đến thời điểm xét xử chưa đủ 36 tháng tuổi, nên giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, theo quy định tại các Điều 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. *Về án phí:*

Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn trong vụ án, nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trịnh Văn T.

2.Về nuôi con chung:

Giao cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trịnh Tú V, sinh ngày 04/11/2014 cho đến khi con chung thành niên (Đủ 18 tuổi).

Anh Trịnh Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Chị T và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006857 ngày 21/3/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Trịnh Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-VKSND thị xã Đông Triều;
-Chi cục THADS thị xã Đông Triều;
-UBND phường Mạo Khê (Nơi đăng ký kết hôn);
-TAND tỉnh Quảng Ninh;
-Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quốc Nam